

Bản án số: 37/2022/HS-PT
Ngày 17-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Long Kiểm

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:
Ông Tổng Văn Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 48/2022/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Đức H cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đức H, sinh ngày 18/11/1985 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức B và bà Nguyễn Thủy C; có vợ là Hoàng Ánh T và 01 con; tiền án: Tại Bản án số 168/2013/HSST ngày 21/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên phạt bị cáo 04 năm tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy (chưa được xóa án tích), tại Bản án số 51/2018/HSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên phạt bị cáo 28 (hai mươi tám) tháng tù giam về tội Đánh bạc và đã bị kháng cáo, xét xử phúc thẩm tại Bản án số 45/2018/HS-PT ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã tuyên phạt bị cáo 24 (hai mươi tư) tháng tù giam về tội Đánh bạc (chưa được xóa án tích); nhân thân: Tại Bản án số 107/2006/HSST ngày 01/11/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản (đã được xóa án tích), tại Quyết định số 358/QĐ/XPVPHC ngày 06/5/2012 của Công an tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo 1.000.000 đồng về hành vi Đánh bạc; tại Quyết định số

20QĐ/XPVPHC ngày 11/9/2018 của Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H hình thức Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2021 đến nay; có mặt.

2. Dương Xuân T, sinh ngày 22/10/1989 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Xuân T và bà Hoàng Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại Bản án số 31/2014/HSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên phạt bị cáo 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 28/4/2020, chưa được xóa án tích); tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 17/9/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc đối Dương Xuân T. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2021 đến nay; có mặt.

3. Nguyễn Xuân B, sinh ngày 07/10/1992 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Dương Thị H; có vợ là Ngọc Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 12/2014/HSST ngày 18/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án tích); nhân thân: Đã có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/6/2021 đến nay; có mặt.

4. Mè Thị Y, sinh ngày 13/8/1988 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mè Xuân Đ (đã chết) và bà Chu Thị Đ; có chồng là La Văn N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ, giam tạm giam từ ngày 10/6/2021 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân B: Bà Lương Thị H - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư K, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Hữu K; vắng mặt.

2. Anh Nông Hải Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 08/6/2021, Tổ công tác Công an huyện Trảng Định đang làm nhiệm vụ tại khu vực chân cầu Pác Luông thì phát hiện Nông Văn T đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên đã chưa về trụ sở lập biên bản. Nông Văn T khai nhận đã mua 01 gói ma túy đá và 01 viên ma túy tổng hợp với giá 300.000 đồng từ Dương Xuân T tại quán sửa chữa, độ xe BIKE SHOP.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Dương Xuân T tại quán BIKE SHOP phát hiện thu giữ tổng cộng 2,967 gam ma túy Heroine và 10.649 gam ma túy Methamphetamine và 7.210.000 đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Dương Xuân T khai nhận số vật chứng bị thu giữ là chất ma túy Heroine, ma túy đá mua của Nguyễn Đức H, mục đích đem về cửa hiệu BIKE SHOP là nơi Dương Xuân T ở nhờ cửa hàng của Nguyễn Xuân B. Tại đây, Dương Xuân T đã sử dụng và bán ma túy để kiếm lời, ngoài ra còn được đưa ma túy cho Nguyễn Phùng A là người ở cùng nhà để bán kiếm lời và trả công bằng tiền và ma túy. Quá trình điều tra xác định Dương Xuân T đã mua ma túy với Nguyễn Đức H 05 lần, cụ thể:

Lần 1: Chiều ngày 02/3/2021, Dương Xuân T đến phòng trọ và mua của Nguyễn Đức H 50 viên ma túy tổng hợp giá 2.500.000 đồng và 05 gam ma túy đá giá 2.500.000 đồng. Do không đủ tiền nên Dương Xuân T trả trước cho Nguyễn Đức H 2.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng Dương Xuân T đã trả cho Nguyễn Đức H thông qua tài khoản ngân hàng BIDV của Mè Thị Y. Sau khi mua ma túy bị cáo đã đem về quán BIKE SHOP cất giấu để sử dụng và bán kiếm lời.

Lần 2: Ngày 09/3/2021, Dương Xuân T thỏa thuận mua với Nguyễn Đức H 100 viên ma túy tổng hợp giá 5.000.000 đồng và 05 gam ma túy đá giá 2.500.000 đồng và chuyển khoản cho Nguyễn Đức H thông qua tài khoản ngân hàng BIDV của Mè Thị Y. Sau khi nhận được ma túy, qua Nguyễn Xuân B giới thiệu, Dương Xuân T đã nhiều lần bán ma túy cho Lý Viết H.

Lần 3: Đầu tháng 4/2021 Dương Xuân T đến phòng trọ của Nguyễn Đức H mua 06 gam ma túy đá với giá 3.000.000 đồng và 80 viên ma túy tổng hợp với giá 4.000.000 đồng và trả tiền trực tiếp cho Nguyễn Đức H. Sau khi mua ma túy bị cáo đã đem về quán BIKE SHOP cất giấu để sử dụng và bán kiếm lời, nhưng do đã lâu nên không nhớ đã bán cho những ai.

Lần 4: Ngày 19/5/2021, Dương Xuân T hỏi mua với Nguyễn Đức H 2.000.000 đồng ma túy Heroine, 06 gam ma túy đá giá 3.000.000 đồng và 40 viên ma túy tổng hợp giá 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được ma túy Nguyễn Đức H gửi qua xe khách, Dương Xuân T đã đưa tiền cho Nguyễn Phùng A, Ngọc Thị H chuyển tiền thành hai lần cho Nguyễn Đức H thông qua tài khoản BIDV của Mè Thị Y.

Lần 5: Ngày 03/6/2021, Dương Xuân T gọi điện cho Nguyễn Đức H mua 06 gam ma túy đá giá 3.000.000 đồng, 100 viên ma túy tổng hợp giá 5.000.000 đồng. Sau khi nhận được ma túy Nguyễn Đức H gửi qua xe khách, Dương Xuân T đã nhờ Ngọc Thị H gửi 4.550.000 đồng qua ứng dụng trên điện thoại cho Mè

Thị Y và đến chi nhánh Viettel huyện Trảng Định và tự chuyển vào tài khoản của Mè Thị Y 2.000.000 đồng.

Ngoài bán ma túy cho Dương Xuân T, Nguyễn Đức H còn được bán ma túy cho Nguyễn Hữu K và Nông Hải Đ. Nguồn gốc ma túy của Nguyễn Đức H là do mua của đối tượng Hoàng Trung H (đã bị khởi tố trong vụ án khác).

Quá trình điều tra xác định một số lần Dương Xuân T được bán ma túy cụ thể như sau:

- + Cuối tháng 5/2021, Dương Xuân T bán cho Trần Ngọc H 01 gói ma túy đá và 01 viên ma túy tổng hợp giá 350.000 đồng.

- + Ngày 29/5/2021 và 01/6/2021 bán cho Nông Văn T mỗi lần 01 gói ma túy đá và 01 viên ma túy tổng hợp với giá 500.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000 đồng.

- + Ngày 02/6/2021 bán cho Đàm Văn H 01 gói ma túy đá và 01 viên ma túy tổng hợp giá 250.000 đồng.

- + Ngày 16/5/2021 Dương Xuân T gọi điện bảo Nguyễn Xuân B bán 01 gói ma túy cho Nông Văn H giá 200.000 đồng.

- + Cuối tháng 5/2021, Dương Xuân T đưa cho Nguyễn Phùng A 01 gói ma túy đá và 01 viên ma túy tổng hợp bán 02 lần cho Nông Văn H với giá 750.000 đồng.

- + Ngày 06/6/2021, Dương Xuân T bán cho Nguyễn Đình L 01 gói ma túy đá và 01 viên ma túy tổng hợp giá 250.000 đồng; bán cho Nông Văn H 01 gói ma túy đá và 01 gói ma túy tổng hợp giá 260.000 đồng; 01 lần đưa cho Nguyễn Phùng A 01 gói ma túy đá và 01 gói ma túy tổng hợp để bán cho Nông Văn H được 300.000 đồng; 01 lần đưa 01 gói ma túy đá và 01 viên ma túy tổng hợp cho Nguyễn Phùng A bán cho Trần Ngọc H được 400.000 đồng.

- + Ngày 07/6/2021 đưa cho Nguyễn Phùng A 01 gói ma túy đá và 01 gói ma túy tổng hợp để bán cho Nông Văn H được 400.000 đồng.

- + Ngày 08/6/2021 bán cho Nông Văn T 01 gói ma túy đá và 01 gói ma túy tổng hợp giá 300.000 đồng.

Đối với Nguyễn Xuân B là anh em họ hàng với Dương Xuân T, biết Dương Xuân T là người thường xuyên mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời nhưng vẫn cho Dương Xuân T ở nhờ tại quán do Nguyễn Xuân B làm chủ, quản lý. Trong thời gian Dương Xuân T ở tại quán, Nguyễn Xuân B biết và cho phép Dương Xuân T sử dụng phòng gác lửng làm địa điểm cất giấu và sử dụng trái phép chất ma túy cũng như bán ma túy cho các đối tượng nghiện tại quán. Bản thân Nguyễn Xuân B đã trực tiếp thấy và không có ý kiến gì khi biết Dương Xuân T 03 lần sử dụng trái phép ma túy tại quán (vào các ngày 05/6/2021, 06/6/2021, 07/6/2021) và còn giới thiệu bạn thân là Lý Viết H mua bán ma túy với Dương Xuân T. Ngoài ra Nguyễn Xuân B còn được giúp Dương Xuân T bán ma túy cho Lý Viết H và Nông Văn H nhiều lần.

Đối với bị cáo Mè Thị Y do có tình cảm với Nguyễn Đức H đã cho Nguyễn Đức H mượn tài khoản ngân hàng của mình để sử dụng vào việc mua bán ma túy, tuy không được thỏa thuận ăn chia nhưng thì thoảng lại được Nguyễn Đức H cho tiền. Bản thân bị cáo cũng biết Nguyễn Đức H mua bán ma túy nhưng không biết cụ thể mua bán ma túy cho những ai nhưng biết rõ việc Nguyễn Đức H mua bán ma túy với Dương Xuân T và được nghe Nguyễn Đức H, Dương Xuân T trao đổi với nhau về việc mua bán ma túy và biết rõ số tiền Dương Xuân T chuyển vào tài khoản của mình sau mỗi lần mua bán ma túy với Nguyễn Đức H.

Tại Kết luận giám định số: 304/KL-PC09 ngày 10/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận:

- + Chất tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu hồng khi khám xét chỗ ở, đồ vật Dương Xuân T là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,351 gam.

- + Chất tinh thể màu trắng bám dính trong 01 túi nilon trong suốt khi khám xét chỗ ở, đồ vật của Dương Xuân T là chất ma túy Methamphetamine.

- + 60 viên nén màu hồng có trong 01 túi nilon đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 5,995 gam.

- + Chất tinh thể màu trắng có trong 01 túi nilon đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 4,303 gam.

- + Chất bột màu trắng dạng cục đựng trong 01 túi nilon là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 2,967 gam.

Kết luận giám định số 283/KL-PC09 ngày 12/6/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Số tiền 6.860.000 đồng thu giữ của Dương Xuân T và 350.000 đồng thu giữ của Nguyễn Xuân B, tổng cộng số tiền Việt Nam 7.210.000 đồng đều là tiền thật.

Kết luận giám định số: 342/KL-PC09 ngày 23/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Số tiền Việt Nam thu giữ của Nguyễn Đức H 20.655.000 đồng; thu giữ của Mè Thị Y 3.292.000 đồng, tổng cộng 23.947.000 đồng đều là tiền thật.

Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H, Dương Xuân T, Mè Thị Y phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân B phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm b, c, p, q khoản 2 Điều 251; Điều 50; 38; 17; 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đức H, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 11/6/2021.

Áp dụng điểm b, p, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Xuân T, xử phạt bị cáo Dương Xuân T 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256, Điều 50, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 17, 55, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân B, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân B 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 07 (bảy) năm tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 50, 38, 17, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mè Thị Y, xử phạt bị cáo Mè Thị Y 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2021.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phùng A, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị cáo Nguyễn Xuân B kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy và phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Mè Thị Y, Nguyễn Đức H kháng cáo kêu oan; bị cáo Dương Xuân T, Nguyễn Phùng A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 13/7/2022 Tòa án nhân dân tỉnh nhận được văn bản đề ngày 08/7/2022 của bị cáo Nguyễn Phùng A về việc rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Ngày 26/7/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định đình chỉ đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phùng A.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức H thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo thừa nhận bán ma túy cho bị cáo Dương Xuân T 01 lần với giá 8.000,000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức H bổ sung kháng cáo về phần xử lý vật chứng, yêu cầu trả lại số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo. Bị cáo Mè Thị Y thay đổi kháng cáo, bị cáo thừa nhận phạm tội Không tố giác tội phạm về việc Nguyễn Đức H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo cho rằng bản thân không phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Nguyễn Xuân B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Dương Xuân T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, ngày 13/7/2022 Tòa án nhân dân tỉnh nhận được văn bản đề ngày 08/7/2022 của bị cáo Nguyễn Phùng A về việc rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Ngày 26/7/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định đình chỉ đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Phùng A. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Đức H, Dương Xuân T, Mè Thị Y với tội danh Mua bán trái phép chất ma túy, xét xử bị cáo Nguyễn Xuân B về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Tại cấp sơ thẩm bị cáo Nguyễn Xuân B không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Xuân B đã thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và tỏ ra ăn năn hối cải; nên có căn cứ áp dụng cho bị cáo Nguyễn

Xuân B tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là đồng phạm giúp sức thứ yếu không hưởng lợi nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt; đối với hành vi Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt.

Đối với bị cáo Dương Xuân T tại cấp phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, giúp cho Cơ quan tiến hành tố tụng đấu tranh tội phạm có hiệu quả đối với các bị cáo khác nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức H tại Tòa phúc thẩm thừa nhận một phần hành vi phạm tội của bản thân, bố bị cáo có Huân chương nên có căn cứ áp dụng cho bị cáo Nguyễn Đức H tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, điều đó cũng không làm thay đổi bản chất vụ án để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cần giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Mè Thị Y không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân; tại cấp phúc thẩm cũng không có tình tiết mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Xuân T, Nguyễn Xuân B, sửa một phần quyết định về phần hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo Dương Xuân T, Nguyễn Xuân B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Đức H, Mè Thị Y, giữ nguyên quyết định về phần hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo Nguyễn Đức H, Mè Thị Y; không chấp nhận kháng cáo về phần xử lý vật chứng của bị cáo Nguyễn Đức H giữ nguyên quyết định về phần xử lý vật chứng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với việc tịch thu số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức H. Cụ thể:

Căn cứ điểm b, p, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Dương Xuân T 10 (mười) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, khoản 2 Điều 54; Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân B 05 – 06 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 07 (bảy) năm tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 12 - 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

Căn cứ điểm b, c, p, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 11 (mười một) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 50, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mè Thị Y 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 11/6/2021.

Không chấp nhận yêu cầu kháng kháng bổ sung của bị cáo Nguyễn Đức H, về việc yêu cầu trả lại số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân B: Nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân B đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân; do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên tại cấp sơ thẩm đã cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo là đồng phạm với vai trò thứ yếu, bản thân bị cáo không được hưởng lợi trong hành vi giúp sức cho Dương Xuân T mua bán trái phép chất ma túy. Về hành vi Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy bị cáo phạm tội do cả nỗ lực Dương Xuân T là anh em họ hàng nên mới cho ở nhờ tại địa điểm do mình quản lý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Dương Xuân T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Bản án sơ thẩm và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo giữ nguyên lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Đức H thừa nhận một phần hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo cho rằng bản thân được bán ma túy Heroin và Methamphetamin cho bị cáo Dương Xuân T 01 lần với giá là 8.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Xuân B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Bản án sơ thẩm và xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Mè Thị Y cho rằng bị cáo chỉ phạm tội Không tố giác tội phạm về hành vi của bị cáo Nguyễn Đức H Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo không phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

[2] Thấy rằng, Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đến tính chất đồng phạm, nhân thân và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo; mức án xử phạt các bị cáo Nguyễn Xuân B, Dương Xuân T, Mè Thị Y là phù hợp; mức án xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H còn có phần nhẹ. Bản án sơ thẩm nhận định đánh giá về nhân thân của các bị cáo rất sơ sài, thiếu chính xác; việc xác định ngày tháng năm sinh và tiền án chưa được xóa án tích đối với Bản án số 107/2006/HSST ngày 01/11/2006 của Tòa án nhân

dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức H 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản là chưa chính xác, Tòa án cấp phúc thẩm cần khắc phục xác định là bị cáo Nguyễn Đức H sinh ngày 18/11/1985 và đã được xóa án tích đối với Bản án này. Tại Bản án số 51/2018/HSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức H 28 (hai mươi tám) tháng tù giam về tội Đánh bạc và Bản án này đã bị kháng cáo và xét xử phúc thẩm tại Bản án số 45/2018/HS-PT ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Đức H 24 (hai mươi tư) tháng tù giam về tội Đánh bạc; Tòa án cấp sơ thẩm không thể hiện việc Bản án sơ thẩm đã bị kháng cáo nên đã không thể hiện kết quả xét xử phúc thẩm là thiếu sót, cấp phúc thẩm cần khắc phục, bổ sung nội dung này. Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng về hành vi vi phạm Pháp luật hành chính của bị cáo Nguyễn Đức H, “*Tại Quyết định số 20QĐ/XPVPHC ngày 11/9/2018 của Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo Cảnh cáo về hành vi trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, phòng chống bạo lực gia đình.*”. Tòa án cấp phúc thẩm cần khắc phục, sửa chữa là: “*Tại Quyết định số 20QĐ/XPVPHC ngày 11/9/2018 của Công an thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H hình thức Cảnh cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy*” (trích lục tiền án – tiền sự, Bút lục số 70). Bố của bị cáo Nguyễn Đức H là ông Nguyễn Đức B được Nhà nước tặng thưởng 02 Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba (Bút lục 774) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hạn tù của các bị cáo Nguyễn Đức H và Mè Thị Y tính từ ngày 11/6/2021 là không chính xác vì theo Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp (Bút lục 80, 83) được kết thúc vào ngày 10/6/2021; Tòa án cấp phúc thẩm cần khắc phục, xác định thời hạn tù của các bị cáo Nguyễn Đức H và Mè Thị Y tính từ ngày 10/6/2021. Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về những sai sót nêu trên.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khẳng định không có mâu thuẫn với nhau, các bị cáo Nguyễn Đức H, Nguyễn Xuân B, Dương Xuân T khẳng định không bị ép cung, mớm cung nhục hình; bị cáo Mè Thị Y cho rằng bị mớm cung, ép cung nhưng trong suốt quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm không có khiếu nại gì; ngoài lời trình bày tại Tòa, bị cáo Mè Thị Y cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh bị mớm cung, ép cung.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Mè Thị Y về tội danh là không có căn cứ, nhằm trốn tránh tội lỗi để được xét xử về tội danh nhẹ hơn; tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai (tại các bút lục 913-914; 919-928) bị cáo thừa nhận quan hệ yêu đương với Nguyễn Đức H, nên từ đầu tháng 3/2021 đã cho Nguyễn Đức H sử dụng tài khoản của mình mở tại ngân hàng BIDV, số tài khoản là: 35110000711285 đồng thời cung cấp thông tin cá nhân để Nguyễn Đức H cài SmartBanking trên điện thoại của Nguyễn Đức H để theo dõi việc chuyển tiền đi và chuyển tiền đến, bản thân bị cáo biết Nguyễn Đức H mua bán ma túy cho nhiều người, nhưng không biết cụ thể mua bán ma túy cho những ai, bị cáo chỉ biết

Nguyễn Đức H bán ma túy cho Dương Xuân T. Từ tháng 4 đến khi bị bắt đã 3 lần nghe được Nguyễn Đức H và Dương Xuân T gọi điện để trao đổi mua bán ma túy nhưng vẫn cho Nguyễn Đức H sử dụng tài khoản của mình mở tại ngân hàng BIDV, số tài khoản là: 35110000711285 để nhận tiền do Dương Xuân T chuyển đến trả tiền mua ma túy với Nguyễn Đức H. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra nêu trên phù hợp với lời khai của Dương Xuân T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với diễn biến vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Mè Thị Y biết Nguyễn Đức H bán ma túy cho Dương Xuân T nhưng vẫn cho Nguyễn Đức H sử dụng tài khoản của bị cáo để Nguyễn Đức H nhận tiền bán ma túy do Dương Xuân T chuyển đến là hành vi đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Đức H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Từ những phân tích trên cho thấy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên tội danh đối với bị cáo.

[5] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H về xin giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu kháng cáo bổ sung là yêu cầu trả lại số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ: Trong quá trình điều tra, bị cáo không thừa nhận bán trái phép chất ma túy cho Dương Xuân T, Nguyễn Hữu K và Nông Hải Đ; tuy nhiên, tại phiên Tòa bị cáo thừa nhận được bán ma túy cho Dương Xuân T một lần. Tại các lời khai, nhận dạng, xác định hiện trường; Dương Xuân T, Nguyễn Hữu K và Nông Hải Đ đều thừa nhận và khẳng định được mua ma túy với Nguyễn Đức H. Tiến hành kiểm tra điện thoại của Nguyễn Đức H và Mè Thị Y tại ứng dụng BIDV Smart Banking cài đặt trên điện thoại của Nguyễn Đức H đăng nhập tài khoản số 35110000711285 mang tên Mè Thị Y thấy tài khoản mở ngày 19/02/2021 có số dư khả dụng 7.023.077 đồng và lịch sử giao dịch phù hợp; kiểm tra tin nhắn ứng dụng Zalo cài đặt trên điện thoại của Nguyễn Đức H và Mè Thị Y đều có tài khoản tên “Chi Chi” nhắn tin đến vào ngày 08/6/2021 và 09/6/2021 thông báo Dương Xuân T và Nguyễn Phùng A đã bị bắt, đồng thời bảo Nguyễn Đức H trốn cho kỹ. Tại Kết luận giám định số: 26/KLGD-PC09, ngày 09/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn tìm thấy 635 tin nhắn của ứng dụng Zalo trên điện thoại của Nguyễn Đức H, trong đó ngày 04/6/2021, Nguyễn Đức H nhắn tin gửi hình ảnh 03 gói ma túy và trao đổi mua bán trái phép chất ma túy với tài khoản Zalo tên “Hồng Anh”. Lời khai nhận tội của bị cáo nêu trên và lời khai của Dương Xuân T; Nguyễn Hữu K và Nông Hải Đ; cùng các tài liệu khác phù hợp với diễn biến của vụ án nên có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại theo điểm b, c, p, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, bố của bị cáo được tặng thưởng Huân chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo có phần nhẹ nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cần giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo. Về kháng cáo bổ sung phần xử lý vật chứng: Bị cáo cho rằng số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo là tiền do bị cáo cầm cố xe máy, không liên quan đến hành vi phạm tội nên bị cáo yêu cầu trả lại số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo. Thấy rằng, ngoài lời khai của bị cáo thì không có tài liệu

chúng cứ để chứng minh; bị cáo đã mua bán ma túy nhiều lần; Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu giữ của bị cáo là có căn cứ; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo giữ nguyên nội dung của Bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, tịch thu số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo.

[6] Đối với kháng cáo của bị cáo Dương Xuân T xin được giảm nhẹ hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, giúp cho Cơ quan tiến hành tố tụng đấu tranh tội phạm có hiệu quả đối với các bị cáo khác nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân B xin được giảm nhẹ hình phạt: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng mình không phạm tội, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau quá trình thẩm vấn công khai, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới bị cáo được hưởng theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong vụ án này, Nguyễn Xuân B là đồng phạm giúp sức thứ yếu cho bị cáo Dương Xuân T; quá trình phạm tội không hưởng lợi và cũng không có mục đích hưởng lợi. Do đó, có căn cứ áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân B về tội Mua bán trái phép chất ma túy; cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Xuân B về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đối với hành vi Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Xuân B thấy rằng: Bị cáo biết rõ việc Dương Xuân T sử dụng địa điểm của mình quản lý để cất giấu ma túy bán và sử dụng, bản thân bị cáo còn được nhìn thấy Dương Xuân T sử dụng ma túy nhiều lần và nhắc nhở Dương Xuân T nhưng vì cả nể bị cáo đã không cương quyết đối với hành vi phạm tội của Dương Xuân T. Việc phạm tội này của bị cáo do nhận thức hạn chế về mặt pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, Tòa án cấp phúc thẩm có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp thẩm đã xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt, bị cáo không đủ tình tiết giảm nhẹ để xử phạt dưới khung. Do đó, cần giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo đối với tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

[8] Những ý kiến của đại diện Viện kiểm và ý kiến của người bào chữa phù hợp với nhận định nêu trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận; những ý kiến không phù hợp với nhận định nêu trên thì không được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân B, Dương Xuân T được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức H, Mè Thị Y không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Đức H, Mè Thị Y phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các phần Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Xuân T, Nguyễn Xuân B, sửa một phần quyết định về phần hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo Dương Xuân T, Nguyễn Xuân B.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức H; không chấp nhận kháng cáo về tội danh của bị cáo Mè Thị Y, giữ nguyên quyết định về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Đức H và giữ nguyên quyết định về tội danh của bị cáo Mè Thị Y tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo Nguyễn Đức H, Mè Thị Y.

Không chấp nhận kháng cáo về phần xử lý vật chứng của bị cáo Nguyễn Đức H giữ nguyên quyết định về phần xử lý vật chứng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với việc tịch thu số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức H.

Cụ thể:

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm b, p, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Dương Xuân T 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm b khoản 2 Điều 256, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, khoản 2 Điều 54; Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân B 05 (năm) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, 07 (bảy) năm tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/6/2021.

Căn cứ điểm b, c, p, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 11 (mười một) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 10/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 50, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Mè Thị Y 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 23.595.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Đức H.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Dương Xuân T, Nguyễn Xuân B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Nguyễn Đức H, Mè Thị Y, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/8/2022)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. T, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm